

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3313/QĐ-UBND

An Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết
so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban,
ngành trên địa bàn tỉnh An Giang**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ:
Ngày:
.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 402/KH-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện năm 2016 Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016 -2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh An Giang tại Tờ trình số 153/TTr-STP ngày 09 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định hiện hành thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC – Bộ Tư pháp;
- Cục công tác phía Nam – Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; Đoàn Đại biểu Quốc hội AG;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NC.



CHỦ TỊCH

Vương Bình Thạnh

2
11/12

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI
QUYẾT SO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 21/11/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**1. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
1	Thủ tục cho thuê đất và cấp Giấy CNQSD đất (đã có sẵn mặt bằng) đối với các dự án đầu tư trong KCN và KKT cửa khẩu.	36 ngày làm việc	26 ngày làm việc
2	Thủ tục xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp GCN đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
4	Thủ tục cấp GPXD đối với dự án đầu tư vào KCN, KKT cửa khẩu.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

**2. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC ĐIỆN			
1	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc

	phương.		
II. LĨNH VỰC DẦU KHÍ			
3	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng công trình kho xăng dầu có dung tích kho trên 210 m ³ đến dưới 5.000 m ³ .	56 ngày làm việc	50 ngày làm việc
4	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000 m ³ .	56 ngày làm việc	50 ngày làm việc
5	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000 m ³ .	56 ngày làm việc	50 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG (LPG)			
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
7	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (trường hợp cấp điều chỉnh).	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
8	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG (trường hợp bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng).	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
9	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh LPG.	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG. (trường hợp cấp điều chỉnh).	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG. (trường hợp bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng).	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
13	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện làm đại lý kinh doanh LPG.	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc

	hàng bán LPG chai (trường hợp cấp điều chỉnh).		
16	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai (trường hợp bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng).	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
17	Thủ tục cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc

IV. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

18	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
19	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	30 ngày làm việc	7 ngày làm việc
20	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	30 ngày làm việc	7 ngày làm việc
21	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực thi hành)	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
22	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
23	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
24	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
25	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy xác nhận hết hiệu lực thi hành)	30 ngày làm việc	22 ngày làm việc
26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
27	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
28	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
29	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (trường hợp Giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành).	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
30	Thủ tục cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc

	thuốc lá.	việc	việc
31	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
32	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
33	Thủ tục cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
34	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
35	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu.	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
36	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
37	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc

V. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

38	Thủ tục cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc
39	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
40	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép hết thời hạn hiệu lực).	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc
41	Thủ tục cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát, hoặc bị cháy).	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc

VI. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

42	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở	27 ngày làm việc	22 ngày làm việc
----	--	------------------	------------------

	Công thương thực hiện.		
43	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công thương thực hiện (trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc
44	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công thương thực hiện (trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc
45	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm do Sở Công thương thực hiện (trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh).	10 ngày làm việc	7 ngày làm việc

VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

46	Thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo qui định của pháp Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	10 ngày làm việc	9 ngày làm việc
----	--	------------------	-----------------

VIII. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

47	Thủ tục xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.	15 ngày làm việc	14 ngày làm việc
----	--	------------------	------------------

IX. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

48	Thủ tục đăng ký tổ chức hội thảo phân bón vô cơ	6 ngày làm việc	4 ngày làm việc
49	Thủ tục đăng ký tổ chức hội thảo gồm phân bón vô cơ, phân bón hữu cơ và phân bón khác	6 ngày làm việc	4 ngày làm việc
50	Thủ tục sửa đổi; bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội thảo phân bón vô cơ	6 ngày làm việc	4 ngày làm việc
51	Thủ tục sửa đổi, bổ sung tổ chức hội thảo gồm phân bón vô cơ, phân bón hữu cơ và	6 ngày làm việc	4 ngày làm việc

	phân bốn khác		
52	Thủ tục công bố hợp quy phân bốn vô cơ	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
53	Thủ tục cấp giấy chứng nhận sản xuất hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
54	Thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
55	Thủ tục cấp giấy chứng nhận sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
56	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoặc sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
57	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoặc sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (trường hợp giấy chứng nhận bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy)	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc
58	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoặc sản xuất đồng thời kinh doanh hóa chất thuộc danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (trường hợp giấy chứng nhận hết hiệu lực thi hành)	20 ngày làm việc	17 ngày làm việc

3. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC			
1	Thủ tục thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp THPT) trong hệ thống công lập và tư thục (sau đây gọi tắt là trường THPT).	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
2	Thủ tục cho phép hoạt động trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp THPT) trong hệ thống công lập và	20 ngày làm việc	16 ngày làm việc

	tư thực (sau đây gọi tắt là trường THPT).		
3	Thủ tục thành lập Trung tâm giáo dục thường xuyên (tỉnh, huyện).	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
4	Thủ tục cho phép hoạt động Trung tâm giáo dục thường xuyên (tỉnh, huyện).	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
5	Thủ tục thành lập Trung tâm ngoại ngữ, tin học.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
6	Thủ tục cho phép hoạt động Trung tâm ngoại ngữ, tin học.	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
7	Thủ tục xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên (tỉnh, huyện).	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG CHỨNG CHỈ

8	Thủ tục điều chỉnh hộ tịch trên bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (đối với cá nhân sử dụng hai khai sinh).	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
9	Thủ tục điều chỉnh hộ tịch trên bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (Cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cải chính hộ tịch).	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
10	Thủ tục điều chỉnh hộ tịch trên bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (Bằng tốt nghiệp in sai do lỗi của cơ sở giáo dục, Sở giáo dục và Đào tạo).	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
11	Thủ tục điều chỉnh hộ tịch trên bằng tốt nghiệp THPT (đối với cá nhân bổ sung ngày sinh).	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp bản sao bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông.	7 ngày làm việc	6 ngày làm việc

III. LĨNH VỰC CẤP PHÉP DẠY THÊM, HỌC THÊM

13	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường cấp trung học phổ thông.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường cấp trung học phổ thông.	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

4. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm

I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ			
1	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư	35 ngày làm việc	16 ngày làm việc
2	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư	26 ngày làm việc	12 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký (UBND tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư)	40 ngày làm việc	01 ngày làm việc
4	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký (không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc
5	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký (không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
6	Thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký (thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - UBND tỉnh đã quyết định chủ trương đầu tư)	26 ngày làm việc	01 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP			
7	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
8	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
9	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
10	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
11	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
12	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
13	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại	3 ngày làm	1 ngày làm

	diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	việc	việc
14	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
15	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
16	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
17	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
18	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
19	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
20	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
21	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
23	Chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
24	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
25	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
26	Bán doanh nghiệp tư nhân	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
27	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
28	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
29	Hợp nhất doanh nghiệp	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
30	Sáp nhập doanh nghiệp	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
31	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc

32	Thành lập công ty TNHH một thành viên do viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
33	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
34	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
35	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên.	3 ngày làm việc	1 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
36	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
37	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
38	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
39	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
40	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
41	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
42	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
43	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
44	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
45	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
46	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc

47	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
48	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
49	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
50	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
51	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
52	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
53	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc
54	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	5 ngày làm việc	1 ngày làm việc

IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)

55	Thẩm định đề xuất dự án (nhóm A, B, C) do Ủy ban nhân dân tỉnh lập	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
56	Thời gian phê duyệt đề xuất dự án nhóm A, B, C do Ủy ban nhân dân tỉnh lập	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc
57	Thẩm định đề xuất dự án của Nhà đầu tư	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
58	Thời gian phê duyệt đề xuất dự án	05 ngày làm việc	4 ngày làm việc
59	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A	40 ngày làm việc	32 ngày làm việc
60	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm B	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc

5. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương Binh và xã hội

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC AN TOÀN LAO ĐỘNG			
1	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
2	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30 ngày làm việc	24 ngày làm việc
3	Khai báo thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
4	Thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Cơ sở	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
5	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi thuộc cấp tỉnh quản lý	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
6	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật; cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
7	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
8	Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào Trung tâm bảo trợ xã hội	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC			
10	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	10 ngày làm việc	8 ngày làm việc
11	Đăng ký hợp đồng cá nhân	5 ngày làm việc	4 ngày làm việc
IV. LĨNH VỰC VIỆC LÀM			

12	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	không quá 15 ngày làm việc	không quá 13 ngày làm việc
13	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	không quá 15 ngày làm việc	không quá 13 ngày làm việc
14	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	không quá 15 ngày làm việc	không quá 13 ngày làm việc
15	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
16	Báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
17	Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

V. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG – TIỀN LƯƠNG

18	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
19	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

VI. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

20	Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
21	Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
22	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc

6. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI ĐUA KHEN THƯỞNG			
1	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc. - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
2	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ,	- Thẩm định: 15	- Thẩm định: 12

	ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
3	Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
4	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
5	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
6	Thủ tục tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
7	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
8	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại	- Thẩm định: 15 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 10 ngày làm việc.	- Thẩm định: 12 ngày làm việc - Thông báo và trả kết quả: 08 ngày làm việc.
9	Thủ tục xét tặng Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh An Giang"	30 ngày làm việc	27 ngày làm việc

7. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			

1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc
2	Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc

8. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC XUẤT BẢN			
1	Thủ tục cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động in	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

9. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG			
1	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ quy hoạch phân khu.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
2	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch phân khu.	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
3	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung.	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
4	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch chung đối với thành phố, thị xã thuộc tỉnh.	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
5	Thủ tục thẩm định đồ án quy hoạch chung đối với thị trấn, đô thị loại V chưa được công nhận là thị trấn.	25 ngày làm việc	20 ngày làm việc
6	Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch.	45 ngày làm việc	35 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC CẤP PHÉP XÂY DỰNG			
7	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trên 7 tầng	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
8	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc

9	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo, tín ngưỡng	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
11	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
13	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn (Đối với công trình không theo tuyến).	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình theo giai đoạn (Đối với công trình theo tuyến trong đô thị)	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
15	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng cho dự án	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc
16	Thủ tục cấp giấy phép xây sửa chữa, cải tạo công trình	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
17	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng (đối với công trình).	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
18	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng (đối với nhà ở riêng lẻ trên 07 tầng).	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
19	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
20	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
21	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tạm (Đối với công trình không theo tuyến).	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
22	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tạm (đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo).	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc
23	Thủ tục cấp giấy phép di dời công trình	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

10. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Thời gian giải quyết
-----	------------------------	----------------------	----------------------

		theo qui định	sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH			
1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam.	60 ngày làm việc	45 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
5	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
6	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
7	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
8	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
9	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
11	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
13	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm.	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	90 ngày làm việc	30 ngày làm việc

15	Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	90 ngày làm việc	60 ngày làm việc
16	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	90 ngày làm việc	30 ngày làm việc
17	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	90 ngày làm việc	30 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM

18	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc của Cơ sở bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc
19	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với Cơ sở bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc
20	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hỏng, rách nát; thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với Cơ sở bán lẻ thuốc thành phẩm đông y, thuốc từ dược liệu.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc
21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với Nhà thuốc, Quầy thuốc.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc
22	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với Nhà thuốc, Quầy thuốc do bị mất, hỏng, rách nát; thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc
23	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán buôn thuốc.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc

24	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc cho cơ sở bán buôn do bị mất, hỏng, rách nát; thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc.	40 ngày làm việc	30 ngày làm việc
----	--	------------------	------------------

11. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông và Vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm	Ghi chú
I. LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ				
1	Thủ tục chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	07 ngày	05 ngày	
2	Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác	05 ngày	03 ngày	
3	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác	07 ngày	05 ngày	
4	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác	07 ngày	05 ngày	
5	Thủ tục cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác	07 ngày	05 ngày	
6	Thủ tục chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ, tỉnh lộ	10 ngày	07 ngày	
7	Thủ tục gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của	05 ngày	03 ngày	

	nút giao đầu nối vào quốc lộ, tỉnh lộ.			
8	Thủ tục cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh	07 ngày	05 ngày	
9	Thủ tục chấp thuận sử dụng đất đường bộ vào các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội)	05 ngày	03 ngày	

II. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG CÓ THAM GIA GIAO THÔNG

10	Thủ tục đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu	15 ngày	10 ngày	
11	Thủ tục đăng ký xe máy chuyên dùng có thời hạn	15 ngày	10 ngày	
12	Thủ tục đổi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	03 ngày	01 ngày	
13	Thủ tục cấp giấy đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.	03 ngày	01 ngày	
14	Thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố.	10 ngày	01 ngày	
15	Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký (sang tên chủ sở hữu ở khác tỉnh, thành phố)	03 ngày	01 ngày	
16	Thủ tục đăng ký sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến	15 ngày	10 ngày	
17	Thủ tục di chuyển đăng ký tại Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đã đăng ký (không thay đổi chủ sở hữu)	03 ngày	01 ngày	
18	Thủ tục đăng ký lại xe máy chuyên dùng tại Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đến (không thay đổi chủ sở hữu)	03 ngày	01 ngày	
19	Thủ tục xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng	02 ngày	01 ngày	

III. LĨNH VỰC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

20	Thủ tục cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe	05 ngày	03 ngày	
----	---	---------	---------	--

	máy chuyên dùng			
21	Thủ tục đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	03 ngày	01 ngày	
IV. LĨNH VỰC CẤP PHÉP ĐÀO TẠO, HOẠT ĐỘNG TRUNG TÂM SÁT HẠCH, SÁT HẠCH CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE				
22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày	02 ngày	
23	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày	01 ngày	
24	Thủ tục cấp Giấy phép xe tập lái	03 ngày	01 ngày	
25	Thủ tục cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	10 ngày	07 ngày	
26	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo hoặc lưu lượng đào tạo	08 ngày	05 ngày	
27	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan	03 ngày	02 ngày	
28	Thủ tục cấp mới Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	10 ngày	07 ngày	
29	Thủ tục cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	08 ngày	03 ngày	
30	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	05 ngày	03 ngày	
31	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch loại 3 có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe	10 ngày	07 ngày	
32	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận	03 ngày	01 ngày	
33	Thủ tục lập lại hồ sơ gốc lái xe	05 ngày	02 ngày	
V. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ				
34	Thủ tục công bố lần đầu đưa bến xe khách vào khai thác	15 ngày	10 ngày	

35	Thủ tục công bố lại bến xe khách	15 ngày	10 ngày	
36	Thủ tục công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	15 ngày	10 ngày	
37	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định	05 ngày	03 ngày	
38	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định do thay đổi nội dung	05 ngày	03 ngày	
39	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định bị hư hỏng	05 ngày	01 ngày	
40	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	05 ngày	03 ngày	
41	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt do thay đổi nội dung	05 ngày	03 ngày	
42	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt hết hạn	05 ngày	03 ngày	
43	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt bị hư hỏng	05 ngày	01 ngày	
44	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi	05 ngày	03 ngày	
45	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi do thay đổi nội dung	05 ngày	03 ngày	
46	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Taxi hết hạn	05 ngày	03 ngày	
47	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách xe Taxi bị hư hỏng	05 ngày	01 ngày	
48	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	05 ngày	03 ngày	
49	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô do thay đổi nội dung	05 ngày	03 ngày	
50	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô hết hạn	05 ngày	03 ngày	
51	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô bị hư hỏng	05 ngày	01 ngày	

52	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	05 ngày	03 ngày	
53	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch do thay đổi nội dung	05 ngày	03 ngày	
54	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch hết hạn	05 ngày	03 ngày	
55	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch bị hư hỏng	05 ngày	01 ngày	
56	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến cố định liên tỉnh	07 ngày	05 ngày	
57	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến cố định nội tỉnh	07 ngày	05 ngày	
58	Thủ tục đăng ký màu sơn đặc trưng xe buýt	02 ngày	01 ngày	
59	Thủ tục ngừng khai thác tuyến xe buýt	08 ngày	05 ngày	
60	Thủ tục đăng ký biểu trưng (logo) xe taxi	02 ngày	01 ngày	
61	Thủ tục cấp mới, cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch hết hiệu lực	10 ngày	07 ngày	
62	Thủ tục cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch bị mất, bị hỏng	02 ngày	01 ngày	
63	Thủ tục cấp phù hiệu vận tải	02 ngày	01 ngày	Phương tiện mang biển số địa phương
		05 ngày	04 ngày	Phương tiện mang biển số địa phương khác
64	Thủ tục cấp phù hiệu xe nội bộ	02 ngày	01 ngày	Phương tiện mang biển số địa phương

		05 ngày	04 ngày	Phương tiện mang biển số địa phương khác
65	Thủ tục cấp phù hiệu xe trung chuyển	02 ngày	01 ngày	Phương tiện mang biển số địa phương
		05 ngày	04 ngày	Phương tiện mang biển số địa phương khác
VI. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT NAM - CAMPUCHIA				
66	Thủ tục cấp phép liên vận phương tiện phi thương mại Việt Nam - Campuchia	02 ngày	01 ngày	
VII. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ VIỆT NAM - LÀO				
67	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện thương mại	02 ngày	01 ngày	
68	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào	02 ngày	01 ngày	
VIII. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUA LIÊN QUỐC GIA: VIỆT NAM - CAMPUCHIA - LÀO				
69	Thủ tục cấp Giấy phép vận tải CLV cho xe vận tải hành khách cố định	03 ngày	01 ngày	
70	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại	03 ngày	01 ngày	
71	Thủ tục đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.	03 ngày	01 ngày	
IX. LĨNH VỰC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG THỦY				
72	Thủ tục công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày	03 ngày	UBND tỉnh công bố

		05 ngày		Sở GTVT trình UBND tỉnh
73	Thủ tục công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	02 ngày	01 ngày	UBND tỉnh công bố
		02 ngày		Sở GTVT trình UBND tỉnh
74	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cầu vĩnh cửu, cầu tạm, âu tàu	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
75	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cầu quay, cầu cáp, cầu nâng hạ, cầu phao, âu tàu	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
76	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình đường ống, đường dây vượt qua luồng trên không	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
77	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình ngầm dưới đáy luồng	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
78	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình bến phà	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng

		05 ngày	03 ngày	Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
79	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình cảng cá, cảng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, quốc phòng	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
80	Thủ tục cho ý kiến xây dựng công trình kè, công trình chính trị	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
81	Thủ tục cho ý kiến khai thác tài nguyên	10 ngày	03 ngày	Công trình bảo đảm an ninh quốc phòng
		05 ngày		Công trình trên tuyến đường thủy nội địa
82	Thủ tục chấp thuận phương án, điều chỉnh phương án đảm bảo an toàn giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa	05 ngày	03 ngày	
83	Thủ tục công bố hạn chế giao thông thi công công trình trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày	03 ngày	
84	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đảm bảo an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	05 ngày	03 ngày	
85	Thủ tục công bố hạn chế giao thông tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập trên đường thủy nội địa địa phương	05 ngày	03 ngày	
X. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA				

86	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	03 ngày	01 ngày	
87	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (khai thác trước ngày 01/01/2005)	03 ngày	01 ngày	
88	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005)	03 ngày	01 ngày	
89	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày	01 ngày	
90	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tính năng kỹ thuật	03 ngày	01 ngày	
91	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do thay đổi tên	03 ngày	01 ngày	
92	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày	01 ngày	
93	Thủ tục đăng ký lại phương tiện chuyển quyền sở hữu, thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	03 ngày	01 ngày	
94	Thủ tục đăng ký lại phương tiện do chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	03 ngày	01 ngày	
95	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng	03 ngày	01 ngày	
96	Thủ tục xóa đăng ký phương tiện	03 ngày	01 ngày	
XI. LĨNH VỰC THI, CẤP ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA				
97	Thủ tục thi lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Thuyền trưởng hạng tư	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra
98	Thủ tục thi lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Thuyền trưởng hạng ba	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi,

				kiểm tra
99	Thủ tục thi lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn Máy trưởng hạng ba	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra
100	Thủ tục kiểm tra lấy chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra
101	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư	05 ngày	03 ngày	
102	Thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba; thuyền trưởng hạng tư	05 ngày	03 ngày	
103	Thủ tục thi chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra
104	Thủ tục học, thi lại lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, thuyền trưởng hạng tư	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra
105	Thủ tục thi lại lấy chứng chỉ chuyên môn	10 ngày	07 ngày	từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra
106	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ	10 ngày	07 ngày	
XII. LĨNH VỰC CÔNG BỐ CẢNG THỦY NỘI ĐỊA				

107	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày	03 ngày	
108	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	07 ngày	05 ngày	
109	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày	03 ngày	
110	Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày	03 ngày	
111	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	03 ngày	02 ngày	
112	Thủ tục thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua cảng	05 ngày	04 ngày	
113	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày	03 ngày	
114	Thủ tục công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài do mở rộng hoặc nâng cấp năng lực thông qua	05 ngày	04 ngày	
XIII. LĨNH VỰC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA				
115	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày	03 ngày	
116	Thủ tục cấp mới, cấp lại phép hoạt động bến thủy nội địa mở rộng, nâng cấp nâng cao năng lực thông qua	05 ngày	03 ngày	
117	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	03 ngày	02 ngày	
XIV. LĨNH VỰC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG				

118	Thủ tục chấp thuận chủ trương xây dựng bến khách ngang sông	05 ngày	04 ngày	
119	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động bến khách ngang sông	03 ngày	02 ngày	
XV. LĨNH VỰC VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
120	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định trên tuyến đường thủy nội địa	05 ngày	01 ngày	
121	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	05 ngày	03 ngày	
122	Thủ tục cấp phép hoạt động vận tải thủy qua biên giới Việt Nam-Campuchia	02 ngày	01 ngày	
123	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch	08 ngày	05 ngày	
124	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch bị mất, bị hỏng	02 ngày	01 ngày	

12. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN			
1	Thủ tục xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của người sử dụng đất	05 ngày	04 ngày
2	Thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày	16 ngày
3	Thủ tục bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày	16 ngày
4	Thủ tục thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh	20 ngày	16 ngày

5	Thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất	10 ngày	08 ngày
6	Thủ tục báo cáo kê khai TSNN tại cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao, quản lý sử dụng TSNN	15 ngày	12 ngày
7	Thủ tục xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc đối với các dự án địa phương quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	15 đến 20 ngày	12 đến 16 ngày
8	Thủ tục quản lý, sử dụng hóa đơn bán TSNN và hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước (gọi chung là hóa đơn)	05 ngày	04 ngày

II. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

9	Thủ tục thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	30 ngày	24 ngày
---	---	---------	---------

III. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

10	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần	10 ngày	08 ngày
11	Thủ tục chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	10 ngày	08 ngày
12	Thủ tục thẩm định mua bán tài sản vượt quá thẩm quyền của doanh nghiệp	05 ngày	04 ngày
13	Thủ tục thẩm định thanh toán khối lượng dịch vụ công ích	10 ngày	08 ngày
14	Thủ tục thẩm tra chi phí dịch vụ, sản phẩm công ích	05 ngày	04 ngày
15	Thủ tục đánh giá, xếp loại công ty nhà nước	90 ngày	60 ngày

16	Thủ tục cấp phát kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm	10 ngày	08 ngày
17	Thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí thuộc nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hàng năm	22 ngày	17 ngày

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

18	Thủ tục hoàn trả các khoản đã nộp Ngân sách nhà nước khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền	05 ngày	04 ngày
19	Thủ tục chi trả nợ dân theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày	04 ngày
20	Thủ tục cấp vốn bổ sung cho doanh nghiệp nhà nước	05 ngày	04 ngày
21	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách dùng cho các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước	02 đến 03 ngày	02 ngày
22	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các đơn vị khác có quan hệ với ngân sách	02 đến 03 ngày	02 ngày
23	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (<i>Dùng cho đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị khác có quan hệ với ngân sách</i>)	02 đến 03 ngày	02 ngày
24	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho dự án đầu tư giai đoạn chuẩn bị đầu tư	03 ngày	02 ngày
25	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư giai đoạn thực hiện dự án	03 ngày	02 ngày
26	Đăng ký chuyển giai đoạn dự án đầu tư	03 ngày	02 ngày
27	Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin về mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (<i>Dùng cho dự án đầu tư</i>).	03 ngày	02 ngày

V. THANH TOÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

28	Thủ tục thanh toán hỗ trợ ngân sách nhà nước về tiền thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân	10 ngày	08 ngày
29	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ đào tạo tại nguồn nhân lực	10 ngày	08 ngày
30	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ phát triển thị trường	10 ngày	08 ngày
31	Thủ tục thanh toán kinh phí hỗ trợ áp dụng khoa học công nghệ	10 ngày	08 ngày
32	Thủ tục thanh toán hỗ trợ hạng mục xây dựng cơ bản	10 ngày	08 ngày
33	Thủ tục thanh toán hỗ trợ chi phí vận chuyển	10 ngày	08 ngày

VI. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH VỀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH PHỤC VỤ DI DỜI CÁC CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC CƠ SỞ PHẢI DI DỜI THEO QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

34	Thủ tục xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời	45 ngày	36 ngày
35	Thủ tục xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất hoặc tính thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của doanh nghiệp được phép chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí cũ	45 ngày	36 ngày

VII. LĨNH VỰC GIÁ

36	Thủ tục hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Sở Tài chính	15 ngày	12 ngày
37	Thủ tục đăng ký giá (<i>thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá</i>)	05 ngày	04 ngày
38	Thủ tục kê khai giá	01 đến 05 ngày	01 đến 04 ngày
39	Thủ tục thẩm định phương án giá thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	15 đến 30 ngày	12 đến 24 ngày

VIII. LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO

40	Thủ tục chuyển đơn khiếu nại, tố cáo của		
----	--	--	--

	tổ chức, công dân không thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính	05 ngày	04 ngày
41	Thủ tục giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân thuộc thẩm quyền Sở Tài chính	30 đến 90 ngày	24 đến 72 ngày

13. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y			
1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc Thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
2	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
3	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn, dịch vụ kỹ thuật về Thú y.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
4	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
5	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
6	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y.	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
7	Thủ tục kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý (đăng ký kiểm tra lần đầu).	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc
8	Thủ tục Kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý (đăng ký kiểm tra lại).	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc
9	Thủ tục Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y đối với cửa hàng, đại lý.	45 ngày làm việc	30 ngày làm việc
10	Thủ tục cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi (thức ăn chăn nuôi dùng cho vật nuôi là gia súc, gia cầm)	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
11	Thủ tục đăng ký quảng cáo thuốc thú y, vật tư thú y phục vụ cho chăn nuôi.	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
12	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi Gấu	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc

13	Thủ tục đóng dấu búa Kiểm lâm	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
14	Thủ tục cấp giấy chứng nhận trại nuôi sinh sản, sinh trưởng động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
15	Thủ tục cấp giấy phép vận chuyển Gấu	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
16	Thủ tục cấp đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
17	Thủ tục giao nộp gấu cho nhà nước	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
18	Thủ tục xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với Lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản vận chuyển nội bộ	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
19	Thủ tục về chuyển khoán rừng phòng hộ	35 ngày làm việc	30 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

1	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hữu cơ và phân bón khác (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy)	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
2	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hữu cơ và phân bón khác (đối với trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh)	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
3	Thủ tục đăng ký quảng cáo giống cây trồng	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
4	Thủ tục đăng ký quảng cáo phân bón hữu cơ và phân bón khác	7 ngày làm việc	5 ngày làm việc
5	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật đối với quảng cáo trên báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc

14. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết so với quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo qui định	Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG			
1	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
2	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc
3	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
4	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
II. LĨNH VỰC LUẬT SƯ			
5	Thủ tục đăng ký hành nghề của luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
6	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
III. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT			
7	Thủ tục đăng ký hoạt động cho Chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
8	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
IV. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ			
9	Thủ tục thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
V. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI			

10	Thủ tục thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
11	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	15 ngày làm việc	11 ngày làm việc
VI. GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN			
12	Thủ tục Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	45 ngày làm việc	35 ngày làm việc
13	Thủ tục đăng ký danh sách đấu giá viên	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
VII. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ THANH LÝ TÀI SẢN			
14	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc
15	Thủ tục thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc
VIII. LĨNH VỰC CÔNG NHẬN, MIỄN NHIỆM BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT CẤP TỈNH			
16	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
17	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
IX. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH			
18	Thủ tục xác nhận có quốc tịch Việt Nam	15 ngày làm việc	12 ngày làm việc

